TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/DS-ST
Ngày: 16-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phạm Thị Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2023/QĐXX-ST ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 144/2023/QĐST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1948 (có mặt).

Thường trú: 155/14 khu phố 2, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: 118/63 Phan Huy I, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Bà Trịnh Thị A, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: 46 Sầm Sơn, Phường 4, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đỗ Trọng Q, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: 118/63 Phan Huy I, Phường 15, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 69A, đường L, ấp 5, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/3/2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Do có quan hệ quen biết và tin tưởng nên ngày 23/6/2018, bà Trần Thị D có cho ông Nguyễn Văn H vay số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 (ba) tháng. Để làm tin, ông Nguyễn Văn H có đưa bà 01 (một) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính số AB 556435 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 01/4/2005. Ngày 26/6/2018, ông H có hỏi mượn thêm số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), hứa sẽ trả cho bà cùng với số tiền nêu trên khi đến thời hạn sau 03 (ba) tháng vay như trên. Việc vay mượn tiền được ông H ghi giấy mượn tiền cho bà để làm chứng. Bà cho ông H vay với mức lãi suất 5%/tháng nhưng bà không có ghi lãi suất vào trong giấy mượn tiền. Ông H đưa cho bà được 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi.

Khi hết thời hạn vay, bà có liên hệ nhiều lần nhưng ông H cứ hứa hẹn qua ngày, kéo dài thời gian cho đến nay vẫn chưa thanh toán số tiền vay cho bà, gây cho bà nhiều khó khăn, thiệt hại.

Nay, bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả cho bà toàn bộ số tiền nợ gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Buộc ông Nguyễn Văn H trả cho bà tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, tính từ thời điểm hết thời hạn của từng khoản vay cho đến ngày xét xử, tạm tính số tiền lãi phát sinh tại thời điểm khởi kiện là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Tạm tính tổng số tiền bà D buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán (tiền gốc + tiền lãi phát sinh) là 540.000.000đ (năm trăm bốn mươi triệu đồng).

Sau khi ông Nguyễn Văn H thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi cho bà Trần Thị D thì bà D sẽ trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 556435 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 01/4/2005.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:

Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không làm ảnh hưởng đến giải quyết vụ án.

Căn cứ Giấy mượn tiền thể hiện ông H đã vay của bà Trần Thị D tổng số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Giấy viết tay chỉ thể hiện kỳ hạn khoản vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) ngày 23/6/2018 là 03 (ba) tháng, không thể hiện lãi suất. Đối với khoản vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) ngày 26/6/2018 không thể hiện kỳ hạn và lãi suất. Bà D trình bày lãi suất hai bên thỏa

thuận là 5%/tháng nhưng không ghi vào giấy mượn tiền. Bà D đã nhận được tổng cộng 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) tiền lãi. Do đó, cần cấn trừ số tiền lãi ông H trả vào số tiền gốc.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông Nguyễn Văn H phải trả số tiền gốc đã vay và tiền lãi tính đến ngày xét xử. Ông H hiện đang cư trú tại số 69A, đường L, ấp 5, xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Trần Thị D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi buộc ông Nguyễn Văn H phải trả cho bà số tiền gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi theo quy định pháp luật tính đến ngày xét xử.

Xét yêu cầu trả nợ gốc của bà D, Hội đồng xét xử xét tại Giấy mượn tiền ngày 23/6/2018 và ngày 26/6/2018, ông Nguyễn Văn H có ký tên người mượn của bà Trần Thị D số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng). Giấy mượn tiền nêu trên có nội dung ghi nhận thời điểm vay tiền vào ngày 23/6/2018 với số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), kỳ hạn vay là 03 (ba) tháng và số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) ghi ngày 26/6/2018 nhưng không có kỳ hạn vay. Cả 02 (hai) lần vay vào ngày 23/6/2018 và ngày 26/6/2018 không có ghi lãi suất. Như vậy Giấy mượn tiền là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự (ngày 23/6/2018) và hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự (ngày 26/6/2018). Ông Nguyễn Văn H đã được triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông không đến Tòa án. Ông H có đưa cho bà D giữ 01 (một) bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 556435 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 01/4/2005 để làm tin, điều này thể hiện ông H có nợ bà D số tiền gốc như đã nêu trên. Mặc khác, bà D thừa nhận ông H đã trả lãi cho bà số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) nhưng Giấy mượn tiền nêu trên không ghi lãi suất nên cần ghi nhận ý kiến của bà D về số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) mà ông H đã trả cho bà D

để trừ vào nghĩa vụ thanh toán của ông H. Việc ông H không trả tiền cho bà D theo đúng cam kết ghi trong Giấy mượn tiền ngày 23/6/2018 và ngày 26/6/2018 đến ngày 22/3/2022 bà D nộp đơn khởi kiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Xét yêu cầu tính lãi của bà D, Hội đồng xét xử xét:

Tại Giấy mượn tiền ngày 23/6/2018 thể hiện số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không thể hiện lãi suất cho vay, kỳ hạn vay là 03 (ba) tháng. Bà D thừa nhận đến ngày 23/9/2018 ông H thanh toán cho bà được tổng số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Như vậy, ông H chưa thanh toán cho bà D số tiền vay ngày 23/6/2018 là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng). Yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ ngày 24/9/2018 đến ngày xét xử của bà D là phù hợp theo quy định tại Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở để chấp nhận. Cụ thể tiền lãi đối với số tiền chậm trả 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) là 10%/năm, thời gian chậm trả từ ngày 24/9/2018 đến ngày 16/5/2023 là 04 năm 7 tháng 22 ngày, thành tiền 65.022.222đ (sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

Tại Giấy mượn tiền ngày 26/6/2018 thể hiện số tiền vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), không thể hiện lãi suất cho vay, không thể hiện kỳ hạn vay. Bà D cho rằng bà đã nhiều lần yêu cầu ông H trả số tiền vay ngày 26/6/2018 nhưng ông H vẫn không trả. Bà D không cung cấp được tài liệu chứng minh bà yêu cầu ông H trả số tiền vay ngày 26/6/2018. Đến ngày 22/3/2022 bà D nộp Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Củ Chi nên chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự từ ngày 22/3/2022 đến ngày xét xử. Cụ thể tiền lãi đối với số tiền chậm trả 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) là 10%/năm, thời gian chậm trả từ ngày 22/3/2022 đến ngày 16/5/2023 là 01 năm 01 tháng 24 ngày, thành tiền 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

Tổng số tiền lãi mà ông H phải trả cho bà D là 88.022.222đ (tám mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí sơ thẩm. Bà Trần Thị D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 309, Điều 315, Điều 316, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30 và Điều 31 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị D số tiền nợ gốc 340.000.000đ (ba trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả 88.022.222đ (tám mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng), tổng cộng là 428.022.222đ (bốn trăm hai mươi tám triệu không trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng), trả ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bà Trần Thị D trả lại cho ông Nguyễn Văn H 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 556435 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H00467/13 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 01/4/2005, trả ngay khi ông Nguyễn Văn H thanh toán hết số tiền cho bà Trần Thị D.

[2] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm 21.120.889đ (hai mươi mốt triệu một trăm hai mươi nghìn tám trăm tám mươi chín đồng) ông Nguyễn Văn H phải chịu.

Bà Trần Thị D là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

[3] Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Thủy